

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 53

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI SÁU: VÔ SANH

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán các pháp. Thế nào là Bồ-tát? Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Thế nào là quán?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Ông hỏi thế nào là Bồ-tát? Người phát đại tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ-tát. Cũng biết hết thấy pháp, hết thấy chủng tướng, cũng không đắm trước theo đó; biết sắc tướng không đắm trước, cho đến biết Mười tám pháp không chung cũng không đắm trước.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là hết thấy pháp tướng?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu có danh tự nhân duyên hòa hợp biết các pháp là sắc, là hương, vị, xúc, pháp, là trong, ngoài, là pháp hữu vi, là pháp vô vi; lấy tướng danh tự, ngữ ngôn ấy biết các pháp ấy gọi là biết tướng các pháp.

Như Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Xa lìa nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Xa lìa pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập; xa lìa Thí Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật; xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Vì xa lìa nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, xa lìa Bốn niệm xứ, cho đến xa lìa Mười tám pháp không chung; xa lìa Nhất thiết trí. Do nhân duyên ấy nên xa lìa gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Như Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là quán? Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải

tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni cho đến Trí nhất thiết chủng, quán chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán các pháp.

LUẬN: Hỏi: Nghĩa Bồ-tát, nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa các quán, trên kia đã hỏi, nay cứ sao còn hỏi?

Đáp: Trước đã đáp ví dụ cây lớn, không thể chặt một lát đứt được, việc ấy khó, nên lại hỏi tiếp.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật có vô lượng nghĩa, như trong phẩm Đàm-vô-kiệt nói: Bát-nhã Ba-la-mật như nước biển lớn vô lượng, như núi Tu-di đủ thứ nghiêm sức, thế nên hỏi. Lại, lời hỏi ấy tuy đồng mà đáp nghĩa có nhiều sai khác.

Lại nữa, chư Phật vì dứt tâm ái trước pháp (pháp ái) nên không lập kinh sách, cũng không trang sức ngôn ngữ, chỉ vì tế độ chúng sinh, tùy theo người đáng độ mà nói; như ao nước lớn tốt trong mát, vô lượng chúng sanh trước sau đi đến uống no rồi đi, người nghe pháp cũng như vậy. Phật trước tiên nói Bồ-tát, Bát-nhã và quán, người đến trước được giải ngộ rồi đi, người đến sau chưa nghe, thế nên lại hỏi tiếp.

Bồ-đề có ba là A-la-hán Bồ-đề, Bích-chi Phật Bồ-đề và Phật Bồ-đề. Không học mà trí tuệ thanh tịnh không như nên gọi là Bồ-đề. Bồ-tát tuy có trí tuệ lớn mà phiền não và tập khí chưa hết, nên không gọi là Bồ-đề. Trong đây chỉ nói một thứ đó là Phật Bồ-đề.

Tát-đỏa, là Chúng sanh; chúng sanh ấy vì đạo Vô thượng mà phát tâm tu hành.

Lại nữa, Tát-đỏa gọi là Đại tâm; người ấy phát đại tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa được, vì vậy nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Phật đã chứng được Bồ-đề ấy, không gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, vì đại tâm đã đầy đủ. Các nghĩa khác về Bồ-tát như trước đã nói rộng.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy vì Phật đạo nên tu hành; biết tướng hết thấy các pháp, cũng chẳng đắm trước. Tướng

các pháp là cánh cửa để có thể biết các pháp là sắc, là tiếng v.v... Lược nói nghĩa Bồ-tát là trước tiên biết mỗi mỗi tướng của các pháp, như đất tướng cứng, vậy sau mới biết tướng rỗng không; đối với hai thứ trí tuệ ấy cũng không đấm trước, chỉ muốn độ chúng sanh. Bồ-tát được trí tuệ như vậy, xa lìa hết thấy pháp tướng riêng, như đối với sắc lìa sắc, lìa sắc tức là tự tánh không. Xa lìa là tên khác của không.

Bồ-tát được Bát-nhã Ba-la-mật, tâm xa lìa hết thấy pháp. Vì cố sao? Vì thấy tội lỗi của hết thấy pháp.

A-la-mật, là xa lìa. Ba-la-mật, là đáo bỉ ngạn. Hai âm ấy gần nhau, nghĩa hợp nhau, cho nên lấy A-la-mật giải thích Ba-la-mật.

Xa lìa những pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập, cho đến Nhất thiết trí. Vì xa lìa các pháp ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Như Thiền Ba-la-mật hay điều phục tâm người thì Bát-nhã Ba-la-mật hay dạy người xa lìa các pháp.

Quán là không quán các pháp thường vô thường, như trước đã nói.

KINH: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, tướng sắc không, trong sắc không không có sắc không có sanh. Vì nhân duyên ấy nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thọ, tưởng, hành, thức không, trong thức không không có thức, không có sanh; vì nhân duyên ấy nên thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi-phất! Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không, trong Thí Ba-la-mật không, không có Thí Ba-la-mật, không có sanh; Giới Ba-la-mật, Nhân Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật không, trong Bát-nhã Ba-la-mật không, không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có sanh. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất, Bát-nhã Ba-la-mật chẳng sanh là chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên nội không chẳng sanh là chẳng phải nội không, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên gì ông nói sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai là chẳng phải Trí nhất thiết

chúng?

Tu-bồ-đề đáp rằng: Sở hữu sắc, sở hữu chẳng hai; sở hữu thọ, tưởng, hành, thức, sở hữu chẳng hai. Tất cả pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Mất cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất, sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải... thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai, là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì nên nói sắc ấy vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng vào pháp số không hai?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác... thức; thức tức là vô sanh, vô sanh tức là thức. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất, sắc vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng như vậy.

LUẬN: Hỏi: Cuối phẩm trên, nên hỏi nghĩa chẳng sanh, cơ sao trong đây mới hỏi?

Đáp: Ba đại pháp dễ hiểu, vì lợi ích nhiều chúng sanh, nên trước hỏi: Vì nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng? Tu-bồ-đề đáp: Sắc là không, trong sắc không có tướng sắc. Hành giả dùng trí tuệ vô sanh ấy làm cho sắc vô sanh. Nếu hiểu được vô sanh ấy, tâm liền nghĩ rằng nay chính là được thật tướng của sắc, thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, sắc tánh thường tự vô sanh, chẳng phải nay dùng sức trí tuệ khiến nó vô sanh. Như có người phá nhà xí để làm nhà ở, nay tuy không còn nhà xí, mà vẫn có cảm tưởng bất tịnh; nếu biết được nhà xí vốn không, huyễn hóa làm ra, thì không có cảm tưởng nhà xí. Hành giả cũng như vậy, nếu biết được sắc từ xưa lại đây ban đầu tự đã vô sanh, thì không còn tưởng về sắc. Thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Ông trước tự nói vô sanh tức là không hai, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Nghĩa tuy một mà cửa đi vào quán có khác. Trên kia nói là phá trong nhân trước có quả, nếu không có quả là pháp sanh ấy có một có khác v.v... Sanh ấy hoặc ban đầu sanh, hoặc sau sanh; phá sanh như

vậy v.v... gọi là vô sanh. Nay đây phá hai pháp mắt và sắc, có và không v.v... ấy gọi là không hai. Hành giả hoặc trước vào cửa quán vô sanh, sau vào cửa quán không hai; hoặc trước vào cửa quán không hai, sau vào cửa quán vô sanh. Nghĩa tuy một mà hành giả quán khác nhau. Phá sắc hai, cho nên nói là không hai; phá sắc sanh cho nên nói là vô sanh. Trên kia nói nhân duyên của vô sanh, đó là tự tướng không; đây nói nhân duyên của không hai, đó là chẳng hợp, chẳng tán, nhất tướng đó là vô tướng. Nghĩa tuy đồng một không, mà trên kia là tự tướng không, còn ở đây là tán không.

Sắc vào pháp số không hai là, hành giả quán sắc tướng chẳng sanh chẳng diệt, khi ấy phân biệt sắc, nay biến làm vô sanh, thế nên nói sắc vô sanh tức là không hai. Vì cố sao? Vì sắc phá tán tức là vô sanh. Như ở trước khi phân biệt các pháp, lìa sắc không còn có sanh được, còn ở đây sắc phá tán tức là vô sanh, không được còn có vô sanh nào khác. Vì vậy nên sắc tức là vào số không hai. Ấy là hai vị A-la-hán Xá-lợi-phất và Tu-bồ-đề ở trước Phật luận nghị với nhau xong.

Tu-bồ-đề bạch Phật mà còn nói lại nghĩa ấy, là muốn được Phật chứng tri vậy.

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán các pháp như vậy, khi ấy thấy sắc vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy ngã vô sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy nội không vô sanh cho đến vô pháp hữu pháp không vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Bốn niệm xứ vô sanh cho đến Mười tám pháp không chung vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy hết thấy Tam-muội, hết thấy Đà-la-ni vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; cho đến thấy Trí nhất thiết chủng vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy phàm phu, pháp phàm phu vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Tu-đà-hoàn, pháp Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, pháp Tư-đà-hàm, A-na-hàm, pháp A-na-hàm, A-la-hán, pháp A-la-hán, Bích-chi Phật, pháp Bích-chi Phật, Bồ-tát, pháp Bồ-tát, Phật, pháp Phật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như tôi nghe nghĩa của Tu-bồ-đề nói sắc là chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh cho đến Phật, pháp Phật là chẳng sanh. Nếu như vậy thì nay không thể được Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, quả A-na-hàm, A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật, không thể được Trí nhất thiết chủng của Bồ-tát ma-ha-tát, cũng không

có sáu đường sai khác, cũng không được năm thứ Bồ-đề của Bồ-tát ma-ha-tát. Nay Tu-bồ-đề! Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sanh, thì vì cớ sao Tu-đà-hoàn vì muốn dứt ba kiết là thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? Tư-đà-hàm vì muốn làm mỏng dâm, nộ, si, nên tu đạo? A-na-hàm vì muốn dứt năm hạ phần kiết là tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? A-la-hán vì muốn dứt năm thượng phần kiết là sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh nên tu đạo? Bích-chi Phật vì muốn pháp Bích-chi Phật nên tu đạo? Vì cớ sao Bồ-tát ma-ha-tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ vì chúng sanh? Vì cớ sao Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì cớ sao Phật Chuyển pháp luân?

Tu-bồ-đề đáp lại Xá-lợi-phất: Tôi không muốn khiến pháp vô sanh có sở đắc, tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh được có Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn; cho đến không muốn khiến trong pháp vô sanh được có A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật; tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh Bồ-tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ, vì chúng sanh, Bồ-tát cũng không lấy tâm làm việc khó làm để hành đạo. Vì sao? Nay Xá-lợi-phất! Vì sanh tâm khó, tâm khổ là không thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thương xót chúng sanh, đối với chúng sanh tưởng như cha mẹ, anh em; tưởng như con dại và như thân mình. Như vậy mới có thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh tâm như vậy: Như ngã tìm khắp hết thấy xứ, hết thấy chủng đều không thể có được; nội ngoại pháp cũng như vậy. Nếu sanh tưởng như vậy, thì không có tâm khó, tâm khổ. Vì sao? Vì Bồ-tát đối nơi hết thấy xứ, hết thấy chủng, hết thấy pháp đều không thọ.

Xá-lợi-phất! Tôi cũng không muốn khiến cho trong pháp vô sanh có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không muốn khiến cho trong pháp vô sanh có Chuyển pháp luân, cũng không muốn khiến cho trong pháp vô sanh có đắc đạo.

LUẬN: Luận giả nói: Quán vô sanh có hai bậc: 1. Quán nhu thuận nhãn. 2. Quán vô sanh nhãn. Trước kia nói vô sanh là quán nhu thuận nhãn, chưa rốt ráo thanh tịnh, dần dần tập quán nhu thuận mà được vô sanh nhãn, thì rốt ráo thanh tịnh.

Hỏi: Bồ-tát chưa dứt hết kiết sử, chưa được Phật đạo, trí tuệ chưa thuần tịnh, làm sao nói rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Bồ-tát khi được vô sanh nhãn, diệt các phiền não, được Bồ-tát đạo, vào Bồ-tát vị, tuy còn tập khí phiền não, đến khi ngồi đạo tràng

mới hết, không bị chướng ngại nên rất ráo thanh tịnh.

Lại nữa, rất ráo thanh tịnh là đối với nhu thuận đạo rất ráo thanh tịnh, chứ không phải đối với Phật đạo. Vì chúng sanh không, pháp không, nên từ thấy được sắc vô sanh rất ráo thanh tịnh, cho đến thấy được Phật và Phật đạo vô sanh rất ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề dùng các nhân duyên nói các pháp tướng, quyết định vô sanh. Nhân việc ấy mà Xá-lợi-phất nạn hỏi: Trong giới Hiền Thánh, rất nhỏ là Tu-đà-hoàn và pháp Tu-đà-hoàn, rất lớn là Phật và Phật pháp. Nếu vô sanh như vậy thì Thánh nhân không có lớn nhỏ, Thánh pháp không có ưu liệt; cũng không có sáu đường sai khác? Đây là lược vấn nạn, tiếp sau hỏi về dứt ba kiết tu đạo là rộng vấn nạn.

Hỏi: Những gì là năm thứ Bồ-đề?

Đáp: Một là nhu thuận, hai là vô sanh nhân, và ba thứ Bồ-đề: Thanh-văn, Độc giác, Phật. Đối với ba Bồ-đề này, vượt qua hai thứ đầu mà trụ ở Bồ-đề thứ ba.

Lại có năm Bồ-đề:

1. Gọi là phát tâm Bồ-đề, là ở trong vô lượng sanh tử mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ-đề. Đây là trong nhân nói quả.

2. Gọi là phục tâm Bồ-đề, là bẻ gãy các phiền não, hàng phục tâm mình, và tu hành các Ba-la-mật.

3. Gọi là minh tâm Bồ-đề, là quán các pháp ba đời, gốc ngọn, tướng chung, tướng riêng, phân biệt trừ lượng, rõ được thật tướng các pháp rất ráo thanh tịnh; nghĩa là tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

4. Gọi là xuất đáo Bồ-đề, là nơi Bát-nhã Ba-la-mật, vì được lực phương tiện (tức lấy vô sở đắc làm lực phương tiện) nên cũng không chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật, diệt hết thấy phiền não, thấy hết thấy chư Phật mười phương, được vô sanh pháp nhân, ra khỏi ba cõi, đến Trí nhất thiết chủng.

5. Gọi là Vô thượng Bồ-đề, là ngồi đạo tràng, dứt tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy là chứng được năm thứ Bồ-đề, còn nghĩa các hiền thánh dứt kiết sử, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp Thanh-văn nói rộng nghĩa dứt kiết, cơ sao không nói hạnh Bích-chi Phật, Bồ-tát có các hạnh?

Đáp: Pháp Bích-chi Phật không khác với Thanh-văn, chỉ có phước đức lợi căn, một ít thâm nhập thật tướng các pháp là khác. Còn Bồ-tát đạo tuy có các hạnh, nhưng chỉ khổ hạnh khó làm là việc hy hữu, chúng

sanh trông thấy hoan hỷ, nói rằng Bồ-tát vì chúng ta mà hành hạnh như vậy, còn các hạnh khác tuy thâm diệu, song người phàm không thể biết, hạnh ấy không gây cảm được, nên không nói.

Lại nữa, như ý nạn vấn của Xá-lợi-phất là nếu các pháp hoàn toàn vô sanh, không tịch, thì hết thấy chúng sanh đều đắm vui, cơ sao Bồ-tát một mình chịu khổ hạnh?

Lại nữa, chư Phật thường ưa xa lìa, tịch tịnh, dứt pháp ái, quyết định biết các pháp không chuyển không hoàn, cơ sao lại chuyển Pháp luân cho chúng sanh?

Tu-bồ-đề ở trước Phật nói pháp vô sanh, Phật không quả trách bác bẻ, được năng lực khoái thích, vui nói không khó, nên đáp lại Xá-lợi-phất rằng: Tôi cũng hoàn toàn không muốn khiến nơi pháp vô sanh có sáu hạng Thánh nhân, trừ Bồ-tát nên nói sáu và sáu đạo khác nhau. Vì cơ sao? Vì chứng được pháp vô sanh nên gọi là Thánh pháp và Thánh nhân, có sai khác, còn trong pháp vô sanh hoàn toàn không có gì.

Lại nữa, trong pháp vô sanh có hai điều lỗi: Lỗi thô là vì tội sát sanh, trộm cắp v.v... nên có ba đường ác; lỗi vi tế là vì đem tâm chấp trước làm bố thí, trì giới nên có ba đường lành. Hoặc Bồ-tát sanh tâm cho là khó là khổ, thì không thể độ hết thấy chúng sanh. Như việc nhỏ của thế gian, tâm khó khăn cho là khổ, việc còn không thành hưởng gì thành Phật đạo. Nhân duyên thành Phật đạo là tâm đại từ đại bi, xem chúng sanh như cha mẹ, con cái, thân mình. Vì cơ sao? Vì cha mẹ, con cái, thân mình tự nhiên sanh lòng yêu mến, chứ không phải suy tính mà sanh lòng yêu mến. Bồ-tát khéo tu tâm đại bi, nên đối với hết thấy chúng sanh cho đến kẻ oán thù cũng đồng một tâm ái niệm. Quả báo của đại bi có được vật dụng lợi ích đều không tiếc, đem hết vật sở hữu trong ngoài thí cho chúng sanh. Ở đây nói lý do không tiếc là trên tất cả chỗ, tất cả chủng, tất cả pháp đều không thể có được. Nếu hành giả mới vào Phật pháp, trước dùng chúng sanh không, biết các pháp vô ngã, nay dùng pháp không, biết các pháp cũng không. Do hai nhân duyên là tâm đại bi và các pháp không, nên có thể không tiếc vật sở hữu trong ngoài, làm lợi ích chúng sanh, mà không khởi ý tưởng khó làm, ý tưởng khổ hạnh, một lòng tinh tấn hoan hỷ. Như người vì tự thân và vì cha mẹ, vợ con, siêng năng tu nghiệp, không cho là khổ; nếu vì người khác mà làm thì không có tâm hoan hỷ. Khổ hạnh, khó hành, như trong phẩm sau Nhân duyên bốn sanh, biến hóa hiện chịu làm thân súc sanh sẽ nói.

Hết thấy các pháp rốt ráo không, vì tướng bất khả tư nghì nên hết thấy pháp hoàn về mà không chuyển, nên không gọi là chuyển, chỉ vì

phá điền đảo hư vọng nên gọi là Chuyển pháp luân.

KINH: Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nay tôi muốn khiến cho do sanh pháp đắc đạo hay do vô sanh pháp đắc đạo?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Tôi không muốn khiến do sanh pháp đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói: Vậy nay Tu-bồ-đề muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo ư?

Tu-bồ-đề đáp: Tôi cũng không muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói: Như lời Tu-bồ-đề nói là không biết không được ư?

Tu-bồ-đề đáp: Có biết có được chẳng do hai pháp, mà do danh tự thế gian nên có biết có được. Do danh tự thế gian nên có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật; còn trong thật nghĩa đệ nhất không có biết, không có được, không có Tu-đà-hoàn cho đến không có chư Phật.

Tu-bồ-đề! Nếu do danh tự thế gian nên có biết có được, vậy sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa ư?

Tu-bồ-đề đáp: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Như danh tự thế gian nên có biết có được, sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa. Vì cớ sao? Xá-lợi-phất! Vì trong đệ nhất thật nghĩa không nghiệp không báo; không sanh không diệt, không sạch không nhơ.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Pháp bất sanh sanh hay pháp sanh sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Tôi không muốn khiến pháp bất sanh sanh cũng không muốn khiến pháp sanh sanh.

Xá-lợi-phất nói: Thế nào là pháp bất sanh, không muốn khiến nó sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; thọ, tưởng, hành, thức là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Sanh sanh hay bất sanh sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải bất sanh sanh. Vì cớ sao? Nay Xá-lợi-phất! Sanh và bất sanh là hai pháp, không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng, đó là vô

tướng. Nay Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải bất sanh sanh.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề ưa nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh. Vì sao? Vì các pháp vô sanh và tướng vô sanh, ưa nói và ngôn ngữ, hết thấy pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Ông ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh, ngữ ngôn ưa nói ấy cũng bất sanh?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Nay Xá-lợi-phất! Vì sắc chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh; mắt chẳng sanh cho đến ý chẳng sanh; địa chủng chẳng sanh cho đến thức chủng chẳng sanh; thân hành chẳng sanh, khẩu hành chẳng sanh, ý hành chẳng sanh; Thí Ba-la-mật chẳng sanh cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh.

Nay Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh và ngôn ngữ ưa nói ấy cũng bất sanh.

LUẬN: Luận giả nói: Bấy giờ, Xá-lợi-phất biết Tu-bồ-đề ưa nói không khó nên hỏi rằng: Nếu tướng hết thấy pháp bất sanh, vậy tướng ấy làm sao chứng được? Dùng pháp sanh chứng được hay dùng pháp bất sanh chứng được? Nếu dùng pháp sanh chứng được, thì pháp sanh là hư dối, ông đã dùng các lý do để phá. Lại không thể lấy pháp sanh thoát được pháp sanh? Nếu dùng vô sanh mà chứng được, thì vô sanh chưa có tướng pháp, không thể dùng để chứng, làm sao chứng được? Tu-bồ-đề không thọ nhận cả hai pháp vì đều có lỗi, như trước nói.

Xá-lợi-phất suy nghĩ rằng: Trong Kinh Phật dạy hai pháp thu nhiếp hết thấy pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi; sanh là hữu vi, vô sanh là vô vi. Nay Tu-bồ-đề xa lìa hai pháp ấy, làm sao nói đến việc đắc đạo? Suy nghĩ như vậy rồi hỏi Tu-bồ-đề: Không có việc đắc đạo ư? Tu-bồ-đề là đại A-la-hán, thực hành Tam-muội Vô tránh bậc nhất, chỉ vì Bồ-tát nên thuyết pháp vô sanh ấy, sao ông khởi tà kiến nói không người đắc đạo? Thế nên nói có biết có được, biết và được tức là tên khác của chữ được đạo quả. Tu-bồ-đề sợ trái với lời nói ở trước nên nói không do hai pháp, mà chỉ vì thế tục nên nói có Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Vì sao? Vì hết thấy các pháp thật không có tướng ngã, nay dùng ngã mà phân biệt từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật, ấy là theo pháp thế tục.

Lại nữa, vì chưa được pháp không, nên nói ấy là thiện, ấy là bất

thiện, ấy là hữu vi, ấy là vô vi v.v... Còn trong đệ nhất nghĩa, không có chúng sanh nên không có Tu-đà-hoàn cho đến Phật; vì pháp không, nên không có quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo. Thánh nhân, Thánh pháp còn hư dối không có định thật, huống gì nghiệp và quả báo người phạm sáu nẻo.

Hỏi: Tu-bồ-đề đã dùng mỗi mỗi nhân duyên quyết định nói về pháp bất sanh sao nay Xá-lợi-phất còn hỏi pháp bất sanh hay pháp sanh sanh?

Đáp: Tu-bồ-đề trên kia nói nhân duyên đắc đạo, nên Xá-lợi-phất nhận được ý Tu-bồ-đề tuy nói pháp vô sanh phá hết thấy pháp, là vì nhân duyên nên nói mà tâm không chấp trước pháp vô sanh, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp ấy thậm thâm, muốn khiến người nghe hiểu được rõ ràng, nên lại hỏi.

Ở trên hỏi pháp tu hành đắc đạo, nay hỏi hết thấy pháp làm sao sanh. Dùng tuệ nhãn biết hết thấy pháp đều chẳng sanh, nhưng hiện thấy các pháp sanh, nên lại hỏi làm sao sanh.

Tu-bồ-đề đáp: Cả hai việc đều chẳng phải. Nếu sanh sanh, pháp sanh đã sanh, không cần phải sanh nữa, nếu chẳng sanh sanh, pháp sanh chưa có nên không cần sanh. Nếu bảo khi sanh, một nửa sanh, một nửa không sanh, ấy cũng chẳng sanh. Nếu là nửa phần sanh thì đã sanh rồi, nếu là nửa phần chưa sanh thì không sanh. Ấy là Tu-bồ-đề không dùng mắt thịt thấy, vì không thông đạt nên cả hai pháp đều không chấp thủ, chỉ nói sanh ấy như huyễn như mộng, từ hư dối pháp sanh, nên lìa, nên không thủ tướng.

Xá-lợi-phất hỏi: Những pháp gì cả hai đều không chấp thủ? Tu-bồ-đề dùng theo thế đế nên nói sắc cho đến Trí nhất thiết chủng rốt ráo chẳng sanh, tướng “Không” tự nhiên, không muốn khiến trong thật tướng có sanh, nếu về thế đế hư dối có thể có sanh, sanh như huyễn hóa.

Trong đây nói nhân duyên của chẳng sanh là chẳng hợp, chẳng tán.

Có người nói: Sanh với pháp giống nhau, sanh là thường, còn pháp được sanh là vô thường, thế nên lại hỏi. Người đáp lại cho sanh và pháp chẳng khác, nếu nói pháp sanh là đã nói tướng sanh, sanh chẳng sanh, như trên nói.

Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề nói, biết tâm Tu-bồ-đề ưa pháp vô sanh, nên nói với Tu-bồ-đề rằng: Ông thật ưa nói pháp vô sanh. Tu-bồ-

đề liền nhận câu hỏi ấy, tâm cũng không thẹn. Vì sao? Vì luận nghị ấy không thể phá, không có lỗi. Sao biết? Tu-bồ-đề tự nói không có pháp có thể hợp, không có pháp có thể tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng, đó là vô tướng, tướng không còn không chấp thủ, hướng gì các tướng.

Xá-lợi-phất lại khen ngợi: Ông ưa nói pháp vô sanh và ngôn ngữ đều vô sanh, ấy thật thanh tịnh. Nếu chính đương ưa nói và ngữ ngôn chẳng phải vô sanh, chỉ nói ngoại vật vô sanh, thì chẳng phải thanh tịnh.

Tu-bồ-đề liền lại thọ nhận lời khen ngợi ấy, đáp lại Xá-lợi-phất rằng: Chẳng phải chỉ ưa nói và ngữ ngôn là vô sanh, mà sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng đều là vô sanh.

KINH: Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Tu-bồ-đề xứng đáng ở trên hết những người thuyết pháp. Vì sao? Vì Tu-bồ-đề tùy chỗ hỏi đều đáp được cả.

Tu-bồ-đề đáp: Vì các pháp không có chỗ nương.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao các pháp không có chỗ nương?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; thọ, tưởng, hành, thức thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tánh ý thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; tánh sắc thường không, cho đến tánh pháp thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Tánh Thí Ba-la-mật thường không, cho đến tánh Bát-nhã Ba-la-mật thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Tánh Nội không thường không, cho đến tánh vô pháp hữu pháp không thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ tánh thường không, cho đến Trí nhất thiết chủng tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, hết thảy các pháp không chỗ nương, vì tánh thường không. Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên thanh tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nên thanh tịnh Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát làm sao khi tu sáu Ba-la-mật thanh tịnh Bồ-tát đạo?

Tu-bồ-đề đáp: Có Thí Ba-la-mật thế gian, có Thí Ba-la-mật xuất thế gian; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật có thế gian, có xuất thế gian.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là Thí Ba-la-mật thế gian, thế nào là Thí Ba-la-mật xuất thế gian?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát làm thí chủ hay cúng thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo cùng, kẻ ăn xin, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo; đồ nằm, giường nệm, phòng nhà, hương hoa, anh lạc, thuốc thang, các thứ cần dùng để nuôi sống, hoặc vợ con, quốc thổ, đầu mắt, tay chân, chi tiết, vật trong ngoài đều lấy cấp thí. Khi thí nghĩ rằng: “Ta cho kia nhận, ta không xan tham, ta là thí chủ, ta có thể bỏ hết thấy vật, ta theo lời Phật dạy bố thí, ta tu Thí Ba-la-mật”. Làm việc bố thí như vậy rồi, dùng pháp có được cho hết thấy chúng sanh chung hưởng, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: “Nhân sự bố thí này mà khiến cho chúng sanh được cái vui đời này, sau sẽ khiến được vào Niết-bàn”.

Người ấy bố thí như vậy có ba điều chướng ngại: Là tướng ta, tướng người khác, tướng bố thí. Chấp trước ba tướng ấy mà bố thí, ấy gọi là Thí Ba-la-mật thế gian. Vì nhân duyên gì nên gọi là thế gian? Vì không động, không xuất đối với thế gian nên gọi là Thí Ba-la-mật thế gian.

Thế nào gọi là Thí Ba-la-mật xuất thế gian? Đó là ba phần được thanh tịnh. Thế nào là ba? Là Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí, ta không thể có được, không thấy người thọ nhận và vật bố thí không thể có được, cũng không trông quả báo. Ấy gọi là Bồ-tát Thí Ba-la-mật ba phần thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí cho tất cả chúng sanh, tướng chúng sanh cũng không thể có được, lấy sự bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không thấy tướng pháp vi tế. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Thí Ba-la-mật xuất thế gian. Vì sao gọi là xuất thế gian? Hay động hay xuất đối với thế gian nên gọi là Thí Ba-la-mật xuất thế gian.

Giới Ba-la-mật có chỗ nương là Giới Ba-la-mật thế gian, không chỗ nương là Giới Ba-la-mật xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí Ba-la-mật.

Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật có chỗ nương gọi là thế gian, không có chỗ nương gọi là xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí Ba-la-mật.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành sáu Ba-la-mật,

làm thanh tịnh đạo Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Tu Bốn niệm xứ là Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tu Tám Thánh đạo phần, môn giải thoát, không môn giải thoát vô tướng, môn giải thoát vô tác; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, Phật mười lực, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Năm trăm A-la-hán, Phật đều thọ ký cho là đệ nhất, như Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Mục-kiền-liên thần túc đệ nhất, Ma-ha Ca-diếp tu hạnh đầu đà đệ nhất, Tu-bồ-đề được Vô tránh Tam-muội đệ nhất, Ma-ha Ca chiên diên phân biệt Tu đa la đệ nhất, Phú-lâu-na đệ nhất trong hàng thuyết pháp, nay cơ sao Xá-lợi-phất lại khen ngợi Tu-bồ-đề xứng đáng đệ nhất trong hàng thuyết pháp?

Đáp: Phật dùng Phật nhãn quán hết thấy chúng sanh lợi căn, độn căn, trừ lượng hết thấy pháp tổng tướng, biệt tướng, tùy chỗ đặc pháp của họ mà mỗi mỗi đều thọ ký đệ nhất, không lầm. Phú-lâu-na ở giữa bốn chúng dùng mười hai bộ Kinh, theo mỗi mỗi pháp môn, mỗi mỗi nhân duyên, thí dụ mà nói, có thể làm lợi ích chúng sanh đệ nhất. Tu-bồ-đề thường tu Vô tránh Tam-muội, cùng với Bồ-tát đồng việc, khéo nói một thứ pháp môn không tướng, hơn Phú-lâu-na; thí như người thợ có nhiều sở năng, sở năng nhiều nên tinh xảo cùng khắp, còn như có người có khả năng chuyên một việc, thì ắt cùng tốt cái đẹp của nó. Phú-lâu-na tuy đa năng song không bằng Tu-bồ-đề thường ưa hành không tướng, nên hay khéo nói không. Thế nên Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề khéo nói nghĩa không, liền khen ngợi rằng: Ông đáng là đệ nhất trong hạng người thuyết pháp. Xá-lợi-phất thấy Tu-bồ-đề tùy chỗ hỏi đều đáp được, như gió đi giữa không, không gì ngăn ngại.

Khi ấy Tu-bồ-đề không nhún nhường, không thọ nhận. Vì sao? Vì an lập bình đẳng, chắc chắn là tướng người tốt. Tướng người tốt là không tự khen, không tự chê, cũng không khen không chê người khác. Nếu tự khen mình, thì chẳng phải là tướng đại nhân, không được người khen mới tự khen; nếu tự chê, ấy là người nịnh hót; nếu chê người khác, ấy là người dèm pha phá hại; nếu khen người khác, ấy là người đua nịnh. Tu-bồ-đề nói pháp vô sanh nên Xá-lợi-phất tuy khen mà không phải nịnh

hót. Tu-bồ-đề cho Xá-lợi-phất khen thật nên không nhún nhường. Lại vì dứt pháp ái nên tâm không cao, cũng không ái trước, chỉ đáp về nhân duyên của sự không ngại không chướng, tức là hết thấy pháp không có chỗ nương tựa, không có chỗ nương tựa nên không ngại không chướng. Nghĩa không có chỗ nương tựa như trước đã nói.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói vì nội pháp không nên sắc không nương tựa trong; vì ngoại pháp không nên sắc không nương tựa ngoài; vì trung gian không có nên sắc không nương tựa trung gian. Như sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Vì Bồ-tát biết tất cả ba cõi vô thường, không, nên không nương tựa trong đó; khi ấy phiền não dứt, tịnh được đạo Bồ-tát. Thế nên Tu-bồ-đề nói, Bồ-tát tu hành sáu Ba-la-mật, nên tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng tức là tịnh Bồ-tát đạo, có gì còn hỏi?

Đáp: Bồ-tát hay làm cho rốt ráo không, ấy gọi là thanh tịnh. Việc ấy thâm diệu, không thể tức khắc liền được, thế nên Xá-lợi-phất Hỏi: Hàng Bồ-tát tân học làm sao tu đạo phương tiện ban đầu đó?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát tu được hai thứ Ba-la-mật, thì sáu Ba-la-mật là bắt đầu mở đạo Bồ-tát, dùng vô sở đắc không mà tu Ba mươi bảy phẩm là mở Phật đạo. Tịnh gọi là mở, như trừ khử chông gai trên đường đi, gọi là mở đường.

Những gì là hai thứ Ba-la-mật? 1. Thế gian, 2. Xuất thế gian. Thế gian là Tu-bồ-đề tự nói nghĩa rằng: Cần ăn cho ăn v.v... như đã nói ở đầu phẩm. Nếu lúc bố thí mà có chỗ nương tựa, thì như người già bệnh nương tựa sức người khác mới có thể đi đứng được. Người bố thí xa lìa trí tuệ thật, tâm lực mỏng ít, cho nên nương tựa.

Nương tựa là, thân ta, tài vật, người nhận, tâm chấp trước thủ tướng pháp ấy, sanh các phiền não kiêu mạn v.v... ấy gọi là thế gian, không động không xuất.

Động là nhu thuận nhĩn.

Xuất là vô sanh nhĩn.

Trong pháp Thanh-văn, động là bậc hữu học, xuất là bậc vô học. Các nghĩa của năm Ba-la-mật kia cũng như vậy. Ấy gọi là bắt đầu mở đạo Bồ-tát.

Hỏi: Đạo Bồ-tát tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có sao còn hỏi?

Đáp: Lúc làm Bồ-tát phải có đạo. Phật đã đến chỗ không cần đạo, đạo ấy vì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là đạo Bồ-

đề. Bồ-tát tu hành đạo ấy nên gọi là đạo Bồ-tát. Trong đây Phật dạy đạo xa là đạo Bồ-tát, sáu Ba-la-mật; đạo gần là đạo Bồ-đề, Ba mươi bảy phẩm. Trong sáu Ba-la-mật, Bồ thí, Trì giới là tạp nên xa; Ba mươi bảy phẩm chỉ có Thiền định, Trí tuệ nên gần. Sáu Ba-la-mật có thể gian, xuất thế gian xen lẫn nên xa; Ba mươi bảy phẩm, ba giải thoát môn v.v... cho đến Đại từ Đại bi, rốt ráo thanh tịnh nên gần.

Lại nữa, đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là từ địa vị mới phát tâm cho đến địa vị Kim cang Tam-muội, trung gian đó vì tu hạnh Bồ-đề, Bồ-tát đều gọi là đạo Bồ-đề.

KINH: Bấy giờ, Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, Lành thay! Thế nào là lực Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Là lực Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cố sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật hay xuất sanh hết thấy pháp lành, hoặc pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật hay nhiếp thọ hết thấy pháp lành, hoặc pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Chư Phật quá khứ thực hành Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai cũng thực hành Bát-nhã Ba-la-mật mà sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Chư Phật trong mười phương thế giới hiện tại cũng thực hành Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, không nghi không vấn nạn, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy thực hành đạo Bồ-tát.

Đạo Bồ-tát là cứu độ hết thấy chúng sanh nên tâm không xa bỏ hết thấy chúng sanh, vì không có sở đắc. Bồ-tát thường nên không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Muốn khiến Bồ-tát ma-ha-tát thường không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi, nhưng nếu Bồ-tát ma-ha-tát không xa lìa niệm đại bi, thì hết thấy chúng sanh đều sẽ làm Bồ-tát. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì hết thấy chúng sanh cũng không xa lìa các niệm?

Tu-bồ-đề đáp: Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất! Ông muốn vấn nạn tôi mà trở thành nghĩa của tôi. Vì sao? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không có, tánh chúng sanh không có nên niệm cũng là tánh không có; pháp chúng sanh không có nên niệm cũng là pháp không có; chúng sanh lìa nên niệm cũng lìa; chúng sanh không nên niệm cũng

không; chúng sanh không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá-lợi-phất! Sắc không có nên niệm cũng không có; tánh sắc không có nên niệm cũng là tánh không có; pháp sắc không có nên niệm cũng là pháp không có; sắc lìa nên niệm cũng lìa; sắc không nên niệm cũng không; sắc không thể biết nên niệm cũng không thể biết; thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, địa chủng cho đến thức chủng, (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Địa giới, thức giới – ND), Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam-muội, hết thấy môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nên niệm cũng không có, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành đạo ấy, tôi muốn khiến không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Bấy giờ, Phật tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Bồ-tát ma-ha-tát có nói Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên nói như vậy. Như ông nói Bát-nhã Ba-la-mật đều vâng thừa ý Phật. Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật nên như lời ông nói mà học.

Khi Tu-bồ-đề nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống; phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống; phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống, phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống; ở giữa vọt lên, hai bên chìm xuống; hai bên vọt lên, ở giữa chìm xuống.

Bấy giờ Phật mỉm cười.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Vì nhân duyên gì nên Phật mỉm cười?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Ta ở thế giới này nói Bát-nhã Ba-la-mật, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới chư Phật ở phương đông cũng vì các Bồ-tát ma-ha-tát mà nói Bát-nhã Ba-la-mật, chư Phật ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc và trên dưới cũng nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy.

Khi nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy, mười hai na do tha các trời, người chứng được vô sanh pháp nhẫn. Khi chư Phật mười phương nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy, vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Luận giả nói: Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Tu-bồ-đề phân biệt nói rõ sáu Ba-la-mật thế gian, xuất thế gian và Bồ-đề đạo rất lợi ích cho chúng sanh nên hoan hỷ tán thán: Lành thay, lành thay! Nói lại hai lần

là tỏ sự hoan hỷ cùng tột.

Hỏi: Ấy là do lực của Ba-la-mật nào?

Đáp: Tu-bồ-đề suy nghĩ rằng: Trong tất cả tâm số pháp, trừ trí tuệ, không có tâm số nào có khả năng phân biệt dứt nghi, mở lối như vậy. Trong các Ba-la-mật, nếu lia Bát-nhã Ba-la-mật tự mình không thể thành tựu, huống gì có thể phân biệt mở lối? Suy nghĩ như vậy rồi, đáp Xá-lợi-phất rằng: Đó là lực của Bát-nhã Ba-la-mật, như trước đã nói. trong các pháp không có ngã, không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nay đem điều ấy làm chứng biết đó là lực của Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng phải lực của Phật, chẳng phải lực của Tu-bồ-đề. Vì sao? Tu-bồ-đề nói lý do vì Bát-nhã Ba-la-mật xa lia hai bên đoạn thường, có, không v.v... hay phát sanh tất cả pháp lành, đó là tướng định, tướng cứng chắc không hoại của pháp ba thừa.

Lại, Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng vô biên nên có thể nhiếp thụ tất cả pháp lành, như biển lớn hay nạp thụ trăm sông nghìn dòng.

Pháp lành ba thừa là, Sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung. Mười phương ba đời chư Phật thực hành Bát-nhã Ba-la-mật nên đều chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy thực hành các Ba-la-mật kia, mà Bát-nhã Ba-la-mật mới là tối tôn quý, có năng lực thông đạt. Thí như hòa hợp thuốc xổ, vị bã đậu mạnh hơn cả. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, tuy hòa hợp với các Ba-la-mật kia, nhưng phá các phiền não, tà kiến, xả bỏ hý luận thì lực Bát-nhã Ba-la-mật hơn cả. Vì vậy, nên nói đều là lực của Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Mỗi mỗi tán thán Bát-nhã Ba-la-mật là vi diệu thậm thâm, vậy ai hay tu hành, tùy thuận, tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Những Bồ-tát trong vô lượng đời chứa nhóm các phước đức, lợi căn, phiền não bị bề mỏng; tuy chưa đến địa vị bất thối, song nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật liền tin thọ thâm nhập. Người có tướng thông đạt như vậy, thì có thể thực hành đạo Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa là cứu độ hết thảy chúng sanh, khiến xa lia ưu não thế gian, vì tâm đại bi nên không bỏ hết thảy chúng sanh. Bồ-tát thường không nên xa lia tâm đại bi và niệm rốt ráo không, rốt ráo không, thì phá các phiền não thế gian, thị hiện Niết-bàn; mà tâm đại bi dẫn dắt khiến trở lại vào trong thiện pháp, để lợi ích cho chúng sanh.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nạn hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát không lia niệm đại bi và niệm rốt ráo không ấy, thì tất cả chúng sanh đều sẽ làm Bồ-tát. Vì sao? Vì rốt ráo không, thì vô tướng, không phân biệt, không lẽ Bồ-tát có niệm đại bi, còn chúng sanh không có niệm đại bi. Nếu có

thì hết thấy chúng sanh nên chung có, nếu không thì Bồ-tát cũng nên không?

Tu-bồ-đề đáp: Ông muốn nạn hỏi tôi mà trở lại giúp thành nghĩa của tôi. Vì sao? Vì các pháp tướng rốt ráo không, nên chúng sanh cũng không, chúng sanh không nên niệm rốt ráo không cũng không. Nếu các pháp rốt ráo không, thì đâu có chúng sanh thật không mà nạn hỏi tôi rằng: Chúng sanh không lìa niệm ấy, thì đều sẽ làm Bồ-tát! Thế nên nói chúng sanh không có nên niệm rốt ráo không cũng không có. Chúng sanh không có tự tánh, chúng sanh lìa, chúng sanh không, chúng sanh không thể biết, niệm rốt ráo không cũng không. Sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây niệm là không lìa niệm đại bi, cố sao nói không lìa niệm rốt ráo?

Đáp: Bồ-tát không lìa niệm ấy, tâm không bỏ chúng sanh, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện vậy. Vô sở đắc không và rốt ráo không, tên khác mà nghĩa một. Vô sở đắc không; vô sở đắc không ở đầu, rốt ráo không ở sau; vì rốt ráo không là lớn, nên sanh tâm bi cũng lớn. Đại bi, như trong Kinh A Sai Mạc nói có ba thứ bi: Là chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên. Vô duyên bi, từ rốt ráo không phát sanh, lấy đó mà giải sự nạn vấn của Xá-lợi-phất. Phật ấn chứng lời nói ấy nên tán thán “Lành thay!”. Nếu muốn giải nói Bát-nhã Ba-la-mật, hãy nên như ông nói.

Bấy giờ ở trong chúng, hàng Trời, người, Bồ-tát nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, ba đời chư Phật đều từ trong đó xuất sanh, Tu-bồ-đề là người Tiểu thừa, tại sao Phật tán thán, muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật, hãy nên như ông nói, vì thế nên tiếp đến nói: Tu-bồ-đề nói đều vâng thừa ý Phật. Giả sử như Di-lặc Bồ-tát, Phạm-thiên vương v.v... không nương theo ý Phật còn không thể hỏi, huống gì Tu-bồ-đề ở trước Phật mà có thể tự do nói. Các Bồ-tát muốn học Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên như ông nói mà học.

Khi nói phẩm ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách là, lúc ấy ở trong hội chúng có nhiều Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều sẽ làm Phật.

Phật là chủ lớn của trời đất, địa thần hoan hỷ chủ ta nay xuất sanh nên khiến quả đất động mạnh.

Lại nữa, người có tâm tin Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, là hy hữu có được, nên người ấy do nhân duyên phước đức mà cảm gió lớn làm rung động nước, nước động nên đất động.

Lại nữa, đại Long vương ở dưới đất muốn đến nghe Bát-nhã Ba-la-mật, từ nước đi ra cho nên nước động, nước động nên đất động.

Lại nữa, do thần lực của Phật khiến đất động, vì muốn khiến mọi người tăng lòng tin vui Bát-nhã Ba-la-mật khó thấy khó biết. Ngoài ra, nhân duyên làm đất động, như trước đã nói, còn trong đây Phật tự nói nhân duyên là Ta nói Bát-nhã Ba-la-mật, mười phương chư Phật cũng nói Bát-nhã Ba-la-mật, mười hai na do tha trời người được địa vị bất thối, vào pháp vị, thế nên đất động.

Lại, chúng sanh trong mười phương thế giới, cũng phát tâm Vô thượng đạo, thế nên đất động.

Bấy giờ chư Thiên cũng có rải các thứ hoa sen và các tạp hương, áo trời, lọng trời, ngàn vạn thứ kỳ nhạc trời. Các Long vương từ bốn biển nước lớn vọt lên và các Dạ-xoa, La sát v.v... đều sanh tâm từ, chấp tay tán Phật. Lại khi Phật mỉm cười, vô lượng ánh sáng trùm khắp mười phương các thế giới nhiều như hằng hà sa, có bấy nhiêu việc hy hữu. Nói tóm lại thì đất động đều do nói thật tướng các pháp, tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

